

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2025/DS-PT
Ngày 14 tháng 8 năm 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng thi công.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 571/2025/TLPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng thi công”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 277/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Cục Thuế tỉnh Đ (nay là Thuế tỉnh Đồng Tháp); địa chỉ trụ sở: Số A Đường L, khóm M, Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường C, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện hợp pháp: Ông Đoàn Hữu H1, chức vụ: Phó Trưởng thuế tỉnh Đồng Tháp; theo Văn bản ủy quyền số 1106/DTH-VP ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Trưởng Thuế tỉnh Đ; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Văn T; bà Nguyễn Thị Kiều N và ông Nguyễn Trường S; có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần T3; địa chỉ trụ sở: Số A Đường T, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh);

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thu H2, chức vụ: Kế toán trưởng; địa chỉ cư trú: A đường số H, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh; theo Giấy ủy quyền ngày 14 tháng 8 năm 2025; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh Đ; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Công ty cổ phần V; địa chỉ: Số F T, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường C, thành phố Hà Nội);

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Xuân H3; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Công ty cổ phần Đ; địa chỉ: Tầng C, khối A, Phòng C Tòa nhà P 2, số C P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

4. Công ty cổ phần T4; địa chỉ: Số A, Đường C tháng B, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường R, tỉnh An Giang);

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T1, chức vụ: Tổng giám đốc; có mặt.

5. Công ty TNHH K; địa chỉ: Tầng G L, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Công ty cổ phần T3 là Bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Theo trình bày của Cục Thuế tỉnh Đ:* Ngày 14/11/2017, giữa Cục Thuế tỉnh Đ và Công ty TNHH MTV T3 (sau này đổi tên thành Công ty cổ phần T3) giao kết Hợp đồng xây dựng số 69/HĐ-CT.XDCB về việc thi công xây lắp gói thầu số 03 thi công xây dựng nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ thuộc dự án: Xây dựng trụ sở làm việc Chi Cục thuế thành phố S. Thời gian thực hiện gói thầu là 445 ngày tính từ ngày 24/02/2018. Thời gian thực hiện gói thầu được phép gia hạn đến 31/12/2020. Tuy nhiên, trong quá trình

thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần T3 117 nhiều lần ngừng thi công không rõ lý do hoặc thi công cầm chừng dẫn đến vi phạm tiến độ thực hiện dự án. Vì vậy, Cục thuế tỉnh Đ đã yêu cầu chấm dứt hợp đồng thi công số 69/HĐ-CT.XDCB ngày 14/11/2017 và yêu cầu Công ty cổ phần T3 117 trả tiền tạm ứng theo hợp đồng là 7.530.517.000 đồng; tiền lãi từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.948.773.017 đồng; tiền phạt vi phạm hợp đồng là 2.443.101.240 đồng; tiền chênh lệch giá gói thầu để tiếp tục mời thầu thi công hoàn thiện công trình đưa vào sử dụng là 4.685.114.384 đồng. Tổng cộng các khoản là 16.607.505.605 đồng.

- Theo trình bày của Công ty cổ phần T3: Trước yêu cầu khởi kiện của Cục Thuế tỉnh Đ, Công ty cổ phần T3 đề nghị Cục thuế tỉnh Đồng Tháp hoàn trả số tiền 1.500.000.000 đồng cho Nhà thầu hoặc cần trừ số tiền này vào tiền tạm ứng còn đang nợ lại, đồng thời ký kết hồ sơ nghiệm thu thanh toán cho khối lượng dở dang mà Nhà thầu đã thực hiện trên công trường với giá trị là 1.093.873.000 đồng để hoàn trả vào số tiền đang nợ tạm ứng. Như vậy, sau khi Chủ đầu tư hoàn trả số tiền 1.500.000.000 đồng thực hiện hợp đồng và nghiệm thu thanh toán khối lượng dở dang trừ vào tạm ứng thì Nhà thầu chỉ còn nợ Chủ đầu tư số tiền là 4.936.644.000 đồng. Đối với số tiền lãi và bồi thường chi phí trượt giá, nhà thầu không chấp nhận vì không có thỏa thuận trong hợp đồng. Nhà thầu đồng ý với khoản phạt theo hợp đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp quyết định (tóm tắt) chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

1. Chấm dứt hợp đồng thi công số 69/HĐ-CT.XDCB ngày 14/11/2017 giữa Cục thuế tỉnh Đ với Công ty cổ phần T3.

2. Buộc Công ty cổ phần T3 có nghĩa vụ trả cho Cục thuế tỉnh Đ tiền tạm ứng theo hợp đồng là 7.530.517.000 đồng. Tiền lãi là 1.948.773.017 đồng. Tiền phạt do vi phạm hợp đồng là 2.443.101.240 đồng. Tiền trượt giá là 4.685.114.348 đồng. Tổng cộng là 16.607.505.605 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, Công ty cổ phần T3 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của Cục Thuế tỉnh Đ (nay là T tỉnh Đồng Tháp) và người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần T3 tự thỏa thuận với nhau về giải quyết tranh chấp như sau:

Thuế tỉnh Đồng Tháp đồng ý trừ số tiền bảo đảm 1.500.000.000 đồng và số tiền 1.093.873.000 đồng phí phí khối lượng dở dang vào số tiền 7.530.517.000 đã tạm ứng cho Công ty cổ phần T3; không yêu cầu Công ty

cổ phần T3 phải trả lãi đối với số tiền tạm ứng là 1.948.773.017 đồng; không yêu cầu Công ty cổ phần T3 phải trả tiền trượt giá là 4.685.114.348 đồng. Công ty cổ phần T3 đồng ý trả khoản tạm ứng sau khi trừ số tiền bảo đảm và chi phí thi công dở dang là 4.936.644.000 đồng và khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng là 2.443.101.240 đồng.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: Thuế tỉnh Đồng Tháp đồng ý trừ số tiền bảo đảm 1.500.000.000 đồng và số tiền 1.093.873.000 đồng phí phí khối lượng dở dang vào số tiền 7.530.517.000 đã tạm ứng cho Công ty cổ phần T3; không yêu cầu Công ty cổ phần T3 phải trả lãi đối với số tiền tạm ứng là 1.948.773.017 đồng; không yêu cầu Công ty cổ phần T3 phải trả tiền trượt giá là 4.685.114.348 đồng. Công ty cổ phần T3 đồng ý trả khoản tạm ứng sau khi trừ số tiền bảo đảm và chi phí thi công dở dang là 4.936.644.000 đồng và khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng là 2.443.101.240 đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự và sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của Công ty cổ phần T3 được nộp trong hạn luật định, đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của Cục Thuế tỉnh Đ (nay là T tỉnh Đồng Tháp) và người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần T3 tự thỏa thuận với nhau về giải quyết tranh chấp như sau: Thuế tỉnh Đồng Tháp đồng ý trừ số tiền bảo đảm 1.500.000.000 đồng và số tiền 1.093.873.000 đồng phí phí khối lượng dở dang vào số tiền 7.530.517.000 đã tạm ứng cho Công ty cổ phần T3; không yêu cầu Công ty cổ phần T3 phải trả lãi đối với số tiền tạm ứng là 1.948.773.017 đồng; không yêu cầu Công ty cổ phần T3 phải trả tiền trượt giá là 4.685.114.348 đồng. Công ty cổ phần T3 đồng ý trả khoản tạm ứng sau khi trừ số tiền bảo đảm và chi phí thi công dở dang là 4.936.644.000 đồng và khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng là 2.443.101.240 đồng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức, xã hội nên công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty cổ phần T3 phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 300 và Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Tòa án án nhân dân tỉnh Đ, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

- Tuyên xử:

1. Công ty cổ phần T3 có nghĩa vụ thanh toán cho Cục Thuế tỉnh Đ (nay là T2 tỉnh Đồng Tháp) số tiền tạm ứng 4.936.644.000 (bốn tỷ chín trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi bốn ngàn) đồng và 2.443.101.240 (hai tỷ bốn trăm bốn mươi ba triệu một trăm lẻ một ngàn hai trăm bốn mươi) đồng tiền phạt vi phạm hợp đồng. Tổng cộng Công ty cổ phần T3 phải thanh toán cho Cục Thuế tỉnh Đ (nay là T2 tỉnh Đồng Tháp) số tiền là: 7.379.745.240 (bảy tỷ ba trăm bảy mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm bốn mươi) đồng.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Cục thuế tỉnh Đ (nay là Thuế tỉnh Đ) không phải chịu; hoàn trả cho Cục Thuế tỉnh Đ (nay là T tỉnh Đồng Tháp) 59.963.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003155 ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp). Công ty cổ phần T3 phải chịu 124.607.500 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty cổ phần T3 phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm ứng theo Biên lai thu số 0000085 ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

- Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Vụ Pháp chế và Quản lý Khoa học;
- Viện CT & KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA (TK-NTCL).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Mạnh Cường